



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Kế toán tài chính doanh nghiệp HPI

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001011687	Đặng Hà	Đông	01/12/2004	TC10B	01	36	3,0	01	Đông	lẻ
2	000002	1001011739	Lê Xuân	Hòa	09/08/2004	TC10B	01	37	2,0	01	Lê	chẵn
3	000003	1001010802	Nguyễn Tùng	Lâm	12/03/2004	TC10B	01	38	3,5	01	Lâm	lẻ
4	000004	1001010817	Mã Đức	Long	13/12/2004	TC10B	01	39	1,5	01	Chê	chẵn
5	000005	1001010850	Nguyễn Hoàng	Quân	27/08/2004	TC10B	01	40	3,9	01	Quân	lẻ
6	000006	1001010855	Vũ Ngọc	Sơn	24/07/2004	TC10B	01	41	3,0	01	Sơn	chẵn
7	000007	1001010857	Hoàng Hà Băng	Tâm	10/08/2004	TC10B	01	42	5,4	01	Tâm	lẻ
8	000008	1001011460	Đỗ Đức	Thịnh	05/01/2004	TC10B	01	43	3,2	01	Thịnh	chẵn
9	000009	1101010760	Nguyễn Ngọc	An	05/11/2005	TC11A	01	44	4,0	01	An	lẻ
10	000010	1101010762	Nông Quốc	An	14/02/2005	TC11A	01	45	1,5	01	Quốc	chẵn
11	000011	1101010765	Lương Ngọc	Anh	28/05/2005	TC11A	01	46	3,0	01	Anh	lẻ
12	000012	1101010774	Phạm Hoàng Phương	Anh	28/11/2004	TC11A	01	47	4,1	01	Phạm	chẵn
13	000013	1101010778	Dương Ngọc	Ánh	02/09/2005	TC11A	01	48	6,6	01	Ánh	lẻ
14	000014	1101011263	Nguyễn Việt	Cường	13/09/2005	TC11A	01	49	2,0	01	Cường	chẵn
15	000015	1101011391	Trần Hải	Đăng	13/03/2005	TC11A	01	50	3,1	01	Đăng	lẻ
16	000016	1101010788	Nguyễn Tiến	Đạt	29/05/2005	TC11A	01	51	3,8	01	Đạt	chẵn
17	000017	1101011265	Nguyễn Thị Huyền	Diệu	08/05/2005	TC11A	01	52	7,0	01	Huyền	lẻ
18	000018	1101011733	Khuong Minh	Đức	11/09/2004	TC11A	01	53	3,6	01	Đức	chẵn
19	000019	1101010795	Nguyễn Việt	Dũng	16/01/2005	TC11A	01	54	5,0	01	Việt	lẻ
20	000020	1101010520	Trần Minh	Dũng	26/07/2005	TC11A	01	55	1,5	01	Minh	chẵn
21	000021	1101010798	Nguyễn Thảo	Dương	01/01/2005	TC11A	01	56	1,5	01	Thảo	lẻ
22	000022	1101010799	Phạm Bình	Dương	03/07/2005	TC11A	01	57	2,0	01	Phạm	chẵn
23	000023	1101010800	Tạ Minh	Dương	03/08/2005	TC11A	01	58	6,1	01	Minh	lẻ
24	000024	1101010801	Vũ Thùy	Dương	26/08/2005	TC11A	01	59	3,5	01	Thùy	chẵn
25	000025	1101010802	Đặng Khánh	Duy	18/01/2005	TC11A	01	60	6,5	01	Khánh	lẻ
26	000026	1101010803	Nguyễn Phương	Duy	05/12/2005	TC11A	01	61	2,5	01	Phương	chẵn
27	000027	1101010806	Trần Thị Vân	Giang	30/04/2005	TC11A	01	62	5,8	1	Giang	lẻ
28	000028	1101010808	Lê Ngân	Hà	22/11/2005	TC11A	01	63	1,5	01	Ngân	lẻ
29	000029	1101010811	Đỗ Thị Thúy	Hằng	12/01/2005	TC11A	01	64	5,0	1	Hằng	lẻ

GV

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
30	000030	1101010812	Nguyễn Thu	Hằng	10/10/2005	TC11A	01	65	3,0	1	Hằng	Chấn
31	000031	1101010816	Phạm Thị	Hiền	07/01/2005	TC11A	01	66	6,8	1	Hiền	
32	000032	1101010817	Dư Quang	Hiệp	29/10/2005	TC11A	01	67	2,5	1	Hiệp	chấn
33	000033	1101011276	Đỗ Thanh	Hoa	18/12/2005	TC11A	01	68	3,8	1	Hoa	le?
34	000034	1101010821	Bùi Việt	Hoàng	29/11/2005	TC11A	01	69	2,5	1	Hoàng	Chấn
35	000035	1101010822	Nguyễn Huy	Hoàng	30/10/2005	TC11A	01	70	6,0	1	Hoàng	le?
36	000036	1101010827	Nguyễn Thị Hoàng	Hương	06/01/2005	TC11A	01	71	3,5	1	Hương	chấn
37	000037	1101010828	Phùng Thị Thu	Hương	13/12/2005	TC11A	01	72	7,0	1	Phùng	le?

Tổng số sinh viên dự thi: 37....

Tổng số tờ giấy thi: 37....

Tổng số biên bản: 0.....

Ngày 20 tháng 06 Năm 2025

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

 

Trần Thị Thanh Vân Nguyễn Thái Chy



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Kế toán tài chính doanh nghiệp HP1

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000038	1101010830	Nguyễn Quang	Huy	14/08/2005	TC11A	01	1	5,0	1	Huy	chấn
2	000039	1101010831	Bùi Khánh	Huyền	21/10/2005	TC11A	01	2	2,0	1	Huyền	lê
3	000040	1101010834	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	29/08/2005	TC11A	01	3	3,5	1	Huyền	Chấn
4	000041	1101010835	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	14/01/2005	TC11A	01	4	5,5	1	Huyền	lê?
5	000042	1101010837	Phạm Trung	Khải	10/07/2005	TC11A	01	5	2,5	1	Khải	chấn
6	000043	1101011445	Ngô Hoàng	Lan	12/06/2005	TC11A	01	6	8,5	1	Lan	lê?
7	000044	1101010846	Đỗ Thị Hoàng	Linh	29/04/2005	TC11A	01	7	3,3	1	Linh	chấn
8	000045	1101011382	Nguyễn Khánh	Linh	17/02/2005	TC11A	01	8	4,1	1	Linh	lê
9	000046	1101011332	Toàn Hoàng Bảo	Linh	27/08/2005	TC11A	01	9	2,8	1	linh	chấn
10	000047	1101010853	Lê Tuấn	Long	13/11/2005	TC11A	01	10	2,5	1	Long	lê?
11	000048	1101010174	Đỗ Phương	Ly	03/01/2005	TC11A	01	11	2,5	1	ly	Chấn
12	000049	1101011288	Trần Khánh	Ly	15/11/2005	TC11A	01	12	1,5	1	Ly	lê?
13	000050	1101010180	Chu Thị Hoàng	Mai	01/11/2005	TC11A	01	13	6,0	1	Mai	chấn
14	000051	1101030632	Chu Hải	Nam	31/05/2005	TC11A	01	14	3,5	1	Nam	lê?
15	000052	1101010864	Đỗ Hằng	Nga	03/11/2005	TC11A	01	15	5,6	1	Nga	chấn
16	000053	1101011293	Nguyễn Thị Hồng	Ngân	17/07/2005	TC11A	01	16	4,3	1	Ngân	lê?
17	000054	1101010876	Nguyễn Yên	Nhi	23/03/2005	TC11A	01	17	4,9	1	Nhi	chấn
18	000055	1101010879	Hà Thị Hồng	Nhung	05/05/2005	TC11A	01	18	4,5	1	Nhung	lê?
19	000056	1101010237	Nguyễn Nam	Phương	26/01/2005	TC11A	01	19	1,5	1	Phường	chấn
20	000057	1101010887	Nguyễn Xuân	Quang	31/01/2005	TC11A	01	20	7,0	1	Quang	lê?
21	000058	1101011304	Đặng Thị Phương	Thảo	17/08/2005	TC11A	01	21	3,4	1	Thảo	chấn
22	000059	1101010899	Nguyễn Thị Anh	Thơ	01/08/2005	TC11A	01	22	5,0	1	Thơ	lê?
23	000060	1101010900	Đỗ Minh	Thu	13/09/2005	TC11A	01	23	4,6	1	Thu	chấn
24	000061	1101011305	Nguyễn Thanh	Thu	27/01/2005	TC11A	01	24	4,0	1	Thu	lê?
25	000062	1101010280	Đỗ Hoài	Thương	29/03/2005	TC11A	01	25	5,8	1	Thương	chấn
26	000063	1101011310	Đinh Quốc	Toàn	25/06/1997	TC11A	01					
27	000064	1101010903	Lương Quỳnh	Trang	09/11/2005	TC11A	01	26	2,5	1	Trang	chấn
28	000065	1101011314	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	20/01/2005	TC11A	01	27	7,5	1	Trang	lê?
29	000066	1101021056	Nguyễn Thị Thu	Trang	21/01/2005	TC11A	01	28	2,0	1	Trang	HP chấn

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
30	000067	1101011315	Phạm Thị	Trang	29/01/2004	TC11A	01	29	9,0	1	Trang	lẻ
31	000068	1101010904	Phan Thị Huyền	Trang	10/10/2005	TC11A	01	30	2,0	1	Trang	chẵn
32	000069	1101011250	Hoàng Quốc	Tuấn	06/11/2005	TC11A	01	31	2,0	1	Tuấn	lẻ
33	000070	1101011377	Đỗ Thế	Tùng	09/10/2005	TC11A	01	32	3,0	1	Thế	chẵn
34	000071	1101010911	Đỗ Tường	Vy	07/08/2005	TC11A	01	33	5,0	1	Vy	lẻ
35	000072	1101010912	Nguyễn Kim	Xuân	21/03/2005	TC11A	01					HP,ĐK
36	000073	1101010329	Trần Thị Chiêu	Xuân	07/05/2005	TC11A	01	34	4,0	1	Xuân	lẻ
37	000074	1101011370	Đinh Thị Hải	Yến	09/03/2004	TC11A	01	35	2,8	1	Yến	chẵn

Tổng số sinh viên dự thi:.....35

Tổng số tờ giấy thi:..35.....

Tổng số biên bản:.....2.....

Ngày 20 tháng 6 năm 2025

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Trần Phú Bích Thục

Đỗ Thị Loan



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Kế toán tài chính doanh nghiệp HPI

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000075	1001020105	Nguyễn Thị Thanh	Hà	06/06/2004	KD10D	02	73	4,0	01	Hà	le'
2	000076	0901020186	Ngô Thị Ngọc	Ánh	07/04/2003	KD10E	02	74	6,0	01	Ánh	chấn
3	000077	1001020023	Đỗ Văn	Anh	23/12/2003	KD10H	02			01		vàng
4	000078	1101020003	Đặng Phương	Anh	31/01/2005	KD11A	02	75	2,0	01	Anh	chấn
5	000079	1101020913	Đỗ Vũ Quỳnh	Anh	23/11/2005	KD11A	02	76	8,4	01	Anh	le'
6	000080	1101020018	Nguyễn Nhật	Anh	26/08/2005	KD11A	02	77	2,5	01	Anh	chấn
7	000081	1101020023	Nguyễn Thị Lan	Anh	11/01/2005	KD11A	02	78	3,8	01	Lan	le'
8	000082	1101020044	Phạm Thanh	Bình	19/01/2005	KD11A	02	79	4,0	01	Bình	chấn
9	000083	1101020050	Đỗ Quyết	Chiến	15/06/2005	KD11A	02	80	4,8	01	Chiến	le'
10	000084	1101020934	Phạm Thị Tuyết	Chinh	02/09/2005	KD11A	02	81	5,0	01	Chinh	chấn
11	000085	1101020064	Cầm Minh	Đức	13/12/2005	KD11A	02	82	Một	01	Đức	le'
12	000086	1101020069	Nguyễn Thị Thùy	Dương	21/01/2003	KD11A	02	83	2,5	01	Dương	chấn
13	000087	1101020944	Lê Thị	Duyên	05/04/2005	KD11A	02	84	5,0	01	Duyên	le'
14	000088	1101020081	Cao Thị Thu	Hà	08/02/2005	KD11A	02	85	3,0	01	Hà	chấn
15	000089	1101020393	Lê Thị Thu	Hà	21/11/2005	KD11A	02	86	8,6	01	Hà	le'
16	000090	1101020086	Tô Thu	Hà	18/03/2005	KD11A	02	87	2,5	01	Hà	chấn
17	000091	1101020953	Mai Thị Thanh	Hằng	06/02/2005	KD11A	02	88	4,5	01	Hằng	le'
18	000092	1101020095	Phan Thị	Hiền	05/10/2005	KD11A	02	89	5,0	01	Hiền	chấn
19	000093	1101020097	Nguyễn Thị	Hiền	08/11/2005	KD11A	02	90	2,0	01	Hiền	le'
20	000094	1101020963	Vũ Thanh	Hoa	21/11/2005	KD11A	02	91	1,5	01	Hoa	chấn
21	000095	1101021358	Hoàng Phi	Hùng	17/07/2003	KD11A	02	92	4,5	01	Hùng	le'
22	000096	1101020969	Nguyễn Lan	Hương	19/04/2005	KD11A	02	93	0,5	01	Hương	chấn
23	000097	1101020115	Phùng Thị	Hương	07/05/2005	KD11A	02	94	3,5	01	Hương	le'
24	000098	1101020972	Đào Thị Thanh	Huyền	16/09/2005	KD11A	02	95	5,8	01	Huyền	chấn
25	000099	0810211730	Nguyễn Văn	Khải	18/10/2002	KD11A	02	96	7,4	01	Khải	le'
26	000100	1101020587	Nguyễn Thị Quỳnh	Liên	12/09/2005	KD11A	02	97	5,0	01	Liên	chấn
27	000101	1101020153	Ngô Phương	Linh	23/01/2005	KD11A	02	98	5,0	01	Phu	le'
28	000102	1101020986	Nguyễn Thị Khánh	Linh	23/04/2005	KD11A	02	99	2,4	01	Linh	chấn
29	000103	1101020158	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	26/01/2005	KD11A	02	100	4,5	01	Linh	le'
30	000104	1101021381	Phạm Thùy	Linh	03/10/2005	KD11A	02	101	2,9	01	Linh	chấn
31	000105	1101020170	Nguyễn Minh	Loan	25/07/2005	KD11A	02	102	8,1	01	Loan	le'
32	000106	1101020621	Đỗ Thị Tuyết	Mai	26/11/2005	KD11A	02	103	3,5	01	Mai	chấn

Tổng số sinh viên dự thi: 31

Tổng số tờ giấy thi: 31

Tổng số biên bản: 0

Ngày 20 tháng 6 năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Trình Thị Diệp

Bùi Phi Nhung



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Kế toán tài chính doanh nghiệp HP1

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lop	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000107	1101020997	Trần Nguyễn Thảo	My	28/08/2005	KD11A	02	135	3,5	1	Nly	
2	000108	1101021006	Phạm Thị	Ngân	15/08/2003	KD11A	02	136	2,0	1	Ngân	
3	000109	1101020206	Nguyễn Bích	Ngọc	03/10/2005	KD11A	02	137	5,2	1	Ngọc	
4	000110	1101021338	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	13/12/2005	KD11A	02	138	1,5	1	Ngọc	
5	000111	1101020244	Thái Minh	Quân	09/02/2005	KD11A	02	139	3,0	1	Quân	
6	000112	1101021341	Lê Thị Như	Quỳnh	17/04/2005	KD11A	02	140	1,5	1	Quỳnh	
7	000113	1101021031	Nguyễn Minh	Tâm	24/06/2005	KD11A	02					HP
8	000114	1101020262	Hoàng Minh	Thảo	27/09/2005	KD11A	02	141	2,0	1	Thảo	HP
9	000115	1101020266	Nguyễn Phương	Thảo	11/02/2005	KD11A	02	142	4,2	1	Thảo	
10	000116	1101020273	Đỗ Minh	Thư	14/03/2005	KD11A	02	143	một	1	Thư	
11	000117	1101020277	Phạm Thị	Thư	25/02/2005	KD11A	02	144	1,5	1	Thư	
12	000118	1101020284	Hoàng Thị	Thúy	03/11/2005	KD11A	02	145	5,0	1	Thúy	
13	000119	1101021050	Đào Huyền	Trang	03/06/2005	KD11A	02	146	2,5	1	Trang	
14	000120	1101020299	Nguyễn Mai	Trang	26/03/2005	KD11A	02	147	một	1	Trang	
15	000121	1101020303	Nguyễn Thị Hà	Trang	28/10/2005	KD11A	02	148	8,5	1	Trang	
16	000122	1101021055	Nguyễn Thị Huyền	Trang	14/06/2005	KD11A	02	149	một	1	Trang	
17	000123	1101021059	Phương Thùy	Trang	30/07/2005	KD11A	02	150	5,0	1	Trang	
18	000124	1101021063	Nguyễn Duy	Tuân	03/05/2005	KD11A	02	151	không	1	Tuân	
19	000125	1101020318	Cao Thị Thanh	Tuyền	12/06/2005	KD11A	02	152	4,5	1	Tuyền	
20	000126	1101020322	Nguyễn Thái	Vân	07/12/2005	KD11A	02	153	2,0	1	Vân	
21	000127	1101021070	Ngô Hải	Yến	04/01/2005	KD11A	02	154	5,0	1	Yến	
22	000128	0901020306	Nguyễn Thiện	Lộc	19/04/2003	KD9M	02					ĐK
23	000129	1001021529	Trần Thị Thu	Hòa	13/09/2004	KD10G	03	155	4,7	1	Hòa	
24	000130	1101020002	Bùi Quế	Anh	14/08/2005	KD11B	03	156	0,5	1	Anh	
25	000131	1101021260	Dương Phương	Anh	10/12/2005	KD11B	03	157	6,0	1	Anh	
26	000132	1101021343	Nguyễn Quỳnh	Anh	13/09/2005	KD11B	03	158	5,9	1	Anh	
27	000133	1001020936	Nguyễn Thị Vân	Anh	18/12/2004	KD11B	03	159	0,5	1	Anh	
28	000134	1101020027	Phạm Lan	Anh	16/04/2005	KD11B	03	160	5,4	1	Anh	
29	000135	1001020053	Tạ Tuấn	Anh	28/08/2004	KD11B	03	161	4,5	1	Anh	
30	000136	1001020059	Nguyễn Ngọc	Ánh	29/04/2004	KD11B	03	162	một	1	Anh	
31	000137	1001020069	Phạm Ngọc	Bích	11/08/2004	KD11B	03	163	3,0	1	Bích	
32	000138	1101020058	Nguyễn Thị	Diễm	03/03/2005	KD11B	03	164	2,8	1	Diễm	

Tổng số sinh viên dự thi: 30...

Tổng số tờ giấy thi: 30....

Tổng số biên bản: 0....

Ngày 20... tháng 6... Năm 2025

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Phạm T.T. Hoàng F. Mai



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Kế toán tài chính doanh nghiệp HP1

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000139	1101020065	Nguyễn Hữu	Đức	29/06/2005	KD11B	03	347	1,0	1	Đức	le (B8-10%)
2	000140	1101020070	Ninh Thị Thùy	Dương	25/05/2005	KD11B	03	348	3,3	1	Dương	chấn
3	000141	1101020071	Phạm Thị Thùy	Dương	05/12/2005	KD11B	03	349	3,5	1	Phạm	le
4	000142	1101020073	Bùi Vũ Thùy	Giang	19/08/2005	KD11B	03	350	2,0	1	Giang	chấn
5	000143	1101020535	Trần Thị Hương	Giang	02/01/2005	KD11B	03	351	2,5	1	Giang	le
6	000144	1101020080	Vũ Thị	Giang	23/05/2005	KD11B	03	352	4,5	1	Giang	chấn
7	000145	1101020087	Trần Thu	Hà	14/05/2005	KD11B	03	353	3,3	1	Hà	le
8	000146	1101020100	Nguyễn Thị	Hoa	22/09/2005	KD11B	03	354	4,0	1	Hoa	chấn
9	000147	1101020562	Phùng Tuấn	Hùng	01/06/2005	KD11B	03	355	3,5	1	Hùng	le
10	000148	1101020968	Đỗ Thị Lan	Hương	12/03/2005	KD11B	03	356	2,5	1	Hương	chấn
11	000149	1101020116	Đỗ Thanh	Huyền	10/10/2005	KD11B	03	357	3,9	1	Thanh	le
12	000150	1101021281	Nguyễn Thị Minh	Huyền	21/05/2005	KD11B	03	358	4,0	1	Huyền	chấn
13	000151	1101020132	Đỗ Ngọc	Lan	03/08/2005	KD11B	03	359	3,8	1	Lan	le
14	000152	1101020980	Trần Thị Phương	Liên	23/10/2005	KD11B	03	360	5,3	1	Liên	chấn
15	000153	1101020149	Lương Thị Ngọc	Linh	22/08/2005	KD11B	03	361	5,0	1	Linh	le
16	000154	1101020984	Nguyễn Khánh	Linh	20/03/2005	KD11B	03	362	5,5	1	Khánh	chấn
17	000155	1101020160	Nguyễn Thùy	Linh	17/12/2005	KD11B	03	363	5,5	1	Linh	le
18	000156	1101020171	Nguyễn Thị Phương	Loan	03/07/2005	KD11B	03	364	4,6	1	Phương	chấn
19	000157	1101021337	Phùng Thị Hải	Ly	24/03/2005	KD11B	03	365	5,5	1	Ly	le
20	000158	1101021336	Bùi Thanh	Mai	16/02/2005	KD11B	03	366	3,5	1	Mai	chấn
21	000159	1101021349	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	09/02/2005	KD11B	03	367	4,8	1	Mai	le
22	000160	1101020185	Nguyễn Tuyết	Mai	10/12/2005	KD11B	03	368	3,0	1	Mai	chấn
23	000161	1101021000	Phạm Phương	Nam	08/11/2005	KD11B	03	369	4,8	1	Nam	le
24	000162	1101020202	Nguyễn Thị Hồng	Ngát	26/06/2005	KD11B	03	370	1,5	1	Ngát	chấn
25	000163	1101020413	Nguyễn Thị Khánh	Ngọc	19/03/2005	KD11B	03	371	8,0	1	Ngọc	le
26	000164	1001021556	Chu Yến	Nhi	04/08/2004	KD11B	03	372	1,0	1	Nhi	chấn
27	000165	1101020878	Đỗ Trang	Nhung	10/06/2005	KD11B	03	373	6,0	1	Nhung	le
28	000166	1101020226	Nguyễn Cẩm	Nhung	02/11/2005	KD11B	03	374	4,0	1	Nhung	chấn
29	000167	1101020667	Lê Thanh	Phúc	03/05/2005	KD11B	03	375	3,5	1	Phúc	le
30	000168	1101020232	Bùi Thu	Phuong	12/06/2005	KD11B	03	376	2,0	1	Phuong	chấn
31	000169	1101020241	Trần Thị Hoài	Phuong	28/07/2005	KD11B	03	377	5,0	1	Phuoy	le
32	000170	1101020251	Nguyễn Như	Quỳnh	02/05/2005	KD11B	03	378	2,0	1	Quỳnh	chấn

Tổng số sinh viên dự thi: 32

Tổng số tờ giấy thi: 32

Tổng số biên bản: 01

Ngày 20 tháng 6 năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn T. Nguyễn

Đoàn Thị Hết



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Kế toán tài chính doanh nghiệp HP1

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000171	1101020256	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	30/09/2005	KD11B	03	379	một	01	Tâm	Lẻ
2	000172	1101021033	Hoàng Thị Phương	Thảo	29/05/2005	KD11B	03	380	4,5	01	Thảo	Chẵn
3	000173	1101021396	Nguyễn Thị	Thảo	03/02/2005	KD11B	03	381	2,0	01	Thảo	Lẻ
4	000174	1101020271	Vũ Thị Ngọc	Thu	19/10/2005	KD11B	03	382	3,0	01	Thu	Chẵn
5	000175	1101020278	Phạm Thị Minh	Thư	24/04/2005	KD11B	03					ĐK
6	000176	1101020285	Lê Thị Phương	Thùy	14/03/2005	KD11B	03	383	4,1	01	Thùy	Chẵn
7	000177	1101020290	Lê Thị Thuý	Tinh	23/10/2005	KD11B	03	384	3,2	01	Tinh	Lẻ
8	000178	1101020300	Nguyễn Quỳnh	Trang	10/03/2005	KD11B	03	385	7,4	01	Trang	Chẵn
9	000179	1101020305	Nguyễn Thị Thu	Trang	02/07/2005	KD11B	03	386	4,0	01	Trang	Lẻ
10	000180	1101020309	Trần Huyền	Trang	15/08/2005	KD11B	03	387	5,7	01	Trang	Chẵn
11	000181	1101020315	Nguyễn Việt	Tuấn	20/01/2005	KD11B	03	388	3,9	01	Tuấn	Lẻ
12	000182	1101021066	Phạm Ngọc	Vi	04/10/2004	KD11B	03	389	6,9	01	Vi	Chẵn
13	000183	1101020748	Nguyễn Quang	Vinh	13/03/2004	KD11B	03	390	3,9	01	Vinh	Lẻ
14	000184	1101020331	Bùi Thị	Yến	11/01/2005	KD11B	03	391	2,5	01	Yến	Chẵn
15	000185	0901030207	Ngô Minh	Hiền	30/05/2003	KD9D	03	392	2,0	01	Hiền	Lẻ
16	000186	1001021670	Lê Ngọc	Thúy	02/06/2004	KD10D	04	393	2,0	01	Thúy	Chẵn
17	000187	1001020165	Đoàn Ngọc	Linh	04/03/2004	KD10H	04	394	9,7	01	Linh	Lẻ
18	000188	1001020254	Trương Thu	Phương	25/10/2004	KD10H	04	395	3,2	01	phương	Chẵn
19	000189	1001020926	Phạm Thị Thúy	An	11/11/2004	KD11C	04	396	một	01	An	Lẻ
20	000190	1101021258	Đặng Trần Tuấn	Anh	20/01/2005	KD11C	04	397	2,8	01	Anh	Chẵn
21	000191	1101020013	Hoàng Thị Lan	Anh	24/09/2005	KD11C	04	398	6,3	01	Anh	Lẻ
22	000192	1101020014	Nghiêm Thị Quỳnh	Anh	15/06/2005	KD11C	04	399	2,5	01	Quỳnh	Chẵn
23	000193	1101020022	Nguyễn Thị Hải	Anh	02/06/2005	KD11C	04	400	2,3	01	H Anh	Lẻ
24	000194	1101020026	Phạm Hoàng Hà	Anh	08/07/2005	KD11C	04	401	1,5	01	Hà	Chẵn
25	000195	1101020032	Trương Thị Mai	Anh	11/09/2005	KD11C	04	402	2,3	01	Anh	Lẻ
26	000196	1101020034	Vũ Thị Hồng	Anh	10/09/2005	KD11C	04	403	6,7	01	Anh	Chẵn
27	000197	1101020927	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	10/04/2005	KD11C	04	404	8,5	01	Ánh	Lẻ
28	000198	1101020039	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	21/05/2005	KD11C	04	405	2,5	01	Ánh	Chẵn
29	000199	1101020041	Phạm Ngọc	Ánh	30/08/2005	KD11C	04	406	6,0	01	Ánh	Lẻ
30	000200	1101021413	Đặng Thị Linh	Chi	04/01/2005	KD11C	04	407	8,0	01	Chi	Chẵn
31	000201	1101020054	Nguyễn Thị Anh	Đào	02/01/2005	KD11C	04	408	5,5	01	Đào	Lẻ
32	000202	1101020066	Nguyễn Thanh	Dung	31/12/2005	KD11C	04	409	2,0	01	Dung	Chẵn

Tổng số sinh viên dự thi: 34

Tổng số tờ giấy thi: 34

Tổng số biên bản: 0

Ngày 20 tháng 06 năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Trần Ngọc Lan Nguyễn Thị Ngọc Anh



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Kế toán tài chính doanh nghiệp HP1

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000203	1101020941	Trịnh Công	Dương	23/11/2005	KD11C	04	410	Một	1	Điền	le
2	000204	1101020075	Đào Thị Hương	Giang	21/07/2005	KD11C	04	411	3,5	1	Giang	Chấn
3	000205	1101020948	Lê Thị Thu	Hà	01/07/2005	KD11C	04	412	8,5	1	Ha	le
4	000206	1101020088	Trần Đình	Hải	09/03/2005	KD11C	04	413	Một	1	Hải	chấn
5	000207	1101021452	Nguyễn Hồng	Hạnh	05/11/2004	KD11C	04	414	3,0	1	Hạnh	le
6	000208	1101020101	Nguyễn Thị Thanh	Hòa	18/04/2005	KD11C	04	415	1,5	1	Hòa	chấn
7	000209	1101021342	Nguyễn Thanh	Hoài	19/08/2005	KD11C	04	416	5,5	1	Hoài	le
8	000210	1101020112	Nguyễn Thị Thanh	Hương	21/09/2005	KD11C	04	417	Một	1	Hương	chấn
9	000211	1101020126	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	13/04/2005	KD11C	04	418	4,0	1	Ngoc	le
10	000212	1101021402	Nguyễn Thị	Lan	31/12/2005	KD11C	04					HP,ĐK
11	000213	1101020593	Đoàn Phương	Linh	09/10/2005	KD11C	04	419	2,5	1	Linh	le
12	000214	1101020146	Lê Nguyễn Thùy	Linh	23/09/2005	KD11C	04	420	5,6	01	Linh	chấn
13	000215	1101020162	Phạm Thùy	Linh	07/03/2005	KD11C	04	421	Một	01	Linh	le
14	000216	1101020164	Trần Phương	Linh	07/04/2005	KD11C	04	422	3,8	1	Linh	Chấn
15	000217	1101020165	Vũ Hà	Linh	30/07/2005	KD11C	04	423	3,0	01	Linh	le
16	000218	1101020173	Trương Thị	Luyến	20/10/2005	KD11C	04	424	2,9	1	Luyen	chấn
17	000219	1101020198	Trương Quỳnh	Nga	19/06/2005	KD11C	04	425	6,0	1	Nga	le
18	000220	1101020199	Lê Hồng	Ngân	11/07/2005	KD11C	04	426	2,0	1	Ngan	chấn
19	000221	1101020203	Bùi Thị	Ngọc	15/09/2005	KD11C	04	427	2,0	1	Ngoc	le
20	000222	1101020208	Phạm Ánh	Ngọc	25/11/2005	KD11C	04	428	6,4	1	Ngoc	chấn
21	000223	1101020216	Kiều Yến	Nhi	24/10/2005	KD11C	04	429	8,0	1	Nhi	le
22	000224	1101021016	Nguyễn Hồng	Nhung	29/05/2005	KD11C	04	430	3,5	1	Nhung	chấn
23	000225	1101021022	Chu Lan	Phương	05/07/2005	KD11C	04	431	7,0	1	Phuong	le
24	000226	1101021024	Trịnh Thu	Phương	08/11/2005	KD11C	04	432	5,6	1	Phuong	chấn
25	000227	1101020252	Nguyễn Thị	Quỳnh	29/04/2005	KD11C	04	433	2,0	1	Quynh	le
26	000228	1101020259	Bùi Thị Phương	Thanh	23/11/2005	KD11C	04	434	2,6	1	Thanh	chấn
27	000229	1101021034	Hoàng Thị Thu	Thảo	04/11/2005	KD11C	04	435	8,5	1	Thao	le
28	000230	1101020267	Nguyễn Thị Thu	Thảo	30/09/2005	KD11C	04	436	2,0	1	Thao	Chấn
29	000231	1101020706	Cầm Văn	Thủ	25/01/2005	KD11C	04	437	3,0	1	Thu	le
30	000232	1101020279	Lê Hồng	Thức	05/10/2005	KD11C	04	438	2,5	1	Thuc	Chấn
31	000233	1101020286	Trần Phương	Thùy	20/01/2005	KD11C	04	439	3,8	1	Thuy	le
32	000234	1101020902	Đinh Thị Yến	Trang	29/01/2005	KD11C	04	440	6,0	1	Trang	chấn

Tổng số sinh viên dự thi: 31

Tổng số tờ giấy thi: 31

Tổng số biên bản: 6

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Vũ Thị Thảo

Nguyễn Thị Ngọc



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Kế toán tài chính doanh nghiệp HPI

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000235	1101020301	Nguyễn Quỳnh	Trang	08/10/2005	KD11C	04	223	7,2	1	Trang	le'
2	000236	1101020310	Trần Thị Huyền	Trang	30/08/2005	KD11C	04	224	8,2	1	Trang	chấn
3	000237	1101020317	Tô Anh	Tuấn	23/04/2004	KD11C	04	225	2,0	1	Tuấn	le'
4	000238	1101021067	Phạm Đức	Việt	22/08/2005	KD11C	04	226	4,0	1	Việt	chấn
5	000239	1101020326	Nguyễn Hà	Vy	18/04/2005	KD11C	04	227	7,4	1	Vy	le'
6	000240	1101020005	Đào Ngọc	Anh	22/07/2005	KD11D	05	228	4,0	1	Anh	chấn
7	000241	1101020012	Đồng Mai	Anh	01/05/2003	KD11D	05	229	5,0	1	Anh	le'
8	000242	1101020015	Ngô Hoàng	Anh	16/10/2005	KD11D	05	230	6,7	1	Anh	chấn
9	000243	1101020024	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	30/01/2005	KD11D	05	231	4,5	1	Anh	le'
10	000244	1101020030	Trần Diệu	Anh	15/01/2005	KD11D	05	232	5,5	1	Anh	chấn
11	000245	1101020035	Vũ Thị Phương	Anh	16/07/2005	KD11D	05	233	4,5	1	Anh	le'
12	000246	1101021328	Trần Quốc Việt	Bách	01/09/2002	KD11D	05	234	2,0	1	Bách	chấn
13	000247	1101020511	Lộc Thành	Đạt	13/09/2005	KD11D	05	235	7,0	1	Đạt	le'
14	000248	1101020067	Đào Thị Thủy	Dương	22/12/2005	KD11D	05	236	6,8	1	Anh	chấn
15	000249	1101021346	Đặng Ngọc	Duy	11/11/2004	KD11D	05					HP
16	000250	1101020076	Phạm Thị Hương	Giang	10/02/2005	KD11D	05	237	8,9	1	Giang	chấn
17	000251	1101021339	Lê Thị Thu	Hà	21/11/2005	KD11D	05	238	7,0	1	Hà	le'
18	000252	1101020809	Nguyễn Thu	Hà	14/01/2005	KD11D	05	239	7,2	1	Hà	chấn
19	000253	1101020089	Trần Minh	Hải	12/10/2005	KD11D	05	240	7,0	1	Hải	le'
20	000254	1101020093	Phạm Thu	Hằng	23/09/2005	KD11D	05	241	3,9	1	Hằng	chấn
21	000255	1101021182	Nguyễn Như	Hanh	17/11/2005	KD11D	05	242	4,5	1	Hanh	le'
22	000256	1101020096	Đinh Thúy	Hiền	21/05/2005	KD11D	05	243	6,2	1	Hiền	chấn
23	000257	1101020959	Bùi Công	Hiếu	08/04/2005	KD11D	05	244	9,4	1	Hiếu	le'
24	000258	1101021443	Phạm Đức	Hiếu	02/08/2000	KD11D	05	245	7,0	1	Hiếu	chấn
25	000259	1101020962	Nguyễn Quỳnh	Hoa	19/04/2005	KD11D	05	246	6,1	1	Hoa	le'
26	000260	1101020108	Đinh Thúy	Hồng	05/11/2005	KD11D	05	247	3,5	1	Hồng	chấn
27	000261	1101021329	Phạm Thu	Hương	18/08/2000	KD11D	05	248	8,9	1	Hương	le'
28	000262	1101020117	Đỗ Thị Khánh	Huyền	23/09/2005	KD11D	05	249	5,4	1	Huyền	chấn
29	000263	1101020121	Nguyễn Ngọc	Huyền	30/04/2005	KD11D	05	250	7,5	1	Huyền	le'
30	000264	1101021330	Nguyễn Thu	Huyền	01/10/2005	KD11D	05	251	7,7	1	Huyền	chấn
31	000265	1101020135	Nguyễn Ngọc	Lan	10/09/2005	KD11D	05	252	6,5	1	Lan	le'
32	000266	1101020141	Đặng Mạnh	Linh	11/07/2005	KD11D	05	253	4,5	1	Linh	chấn

Tổng số sinh viên dự thi: 31

Tổng số tờ giấy thi: 31

Tổng số biên bản: 0

Ngày 20 tháng 06 năm 2025

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Đào

Nguyễn Thị Thùy Linh



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Kế toán tài chính doanh nghiệp HPI

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú	
1	000267	1101020145	Hoàng Thị Thùy	Linh	11/12/2005	KD11D	05	104	7,8	01	Linh	lẻ	
2	000268	1101020155	Nguyễn Thị Diệu	Linh	21/08/2005	KD11D	05	105	4,8	01	Diệu	chẵn	
3	000269	1101020167	Vũ Quang	Linh	29/07/2005	KD11D	05	106	2,5	01	Linh	lẻ	
4	000270	1101020178	Trần Thị Vân	Ly	10/10/2005	KD11D	05	107	8,0	1	Ly	chẵn	
5	000271	1101020181	Đặng Ngọc	Mai	11/07/2005	KD11D	05	108	3,3	1	Mai	lẻ	
6	000272	1101020189	Trần Vũ Hồng	Minh	04/12/2005	KD11D	05	109	2,4	1	Minh	chẵn	
7	000273	1101020190	Vũ Thị Nguyệt	Minh	11/10/2005	KD11D	05	110	7,8	1	Minh	lẻ	
8	000274	1101021437	Đỗ Thị Thục	Mỹ	15/04/2005	KD11D	05	111	2,8	1	Mỹ	chẵn	
9	000275	1101020196	Lê Thị	Nga	23/09/2005	KD11D	05	112	8,3	1	Nga	lẻ	
10	000276	1101021011	Hoàng Thị Huyền	Ngọc	24/07/2005	KD11D	05	113	2,4	1	Ngọc	chẵn	
11	000277	1101020209	Nguyễn Đình	Nguyên	08/09/2005	KD11D	05	114	4,3	1	Nguyễn	lẻ	
12	000278	1101020217	Nguyễn Ngọc	Nhi	15/05/2005	KD11D	05	115	8,0	1	Nhi	chẵn	
13	000279	1101020224	Nguyễn Thị	Như Ý	14/07/2005	KD11D	05	116	5,3	1	Ý	lẻ	
14	000280	1101021017	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	06/04/2005	KD11D	05	117	3,6	1	Nhung	chẵn	
15	000281	1101020235	Lê Thị Thu	Phương	14/03/2005	KD11D	05	118	4,6	1	Phường	lẻ	
16	000282	1101020247	Đào Diễm	Quỳnh	26/12/2005	KD11D	05	119	3,5	1	Quỳnh	chẵn	
17	000283	1101020253	Trần Thị Diệu	Quỳnh	28/07/2005	KD11D	05	120	1,3	1	Quỳnh	lẻ	
18	000284	1101021032	Đào Thị	Thanh	22/08/2005	KD11D	05	121	7,4	1	Thanh	chẵn	
19	000285	1101020263	Lê Thị	Thảo	17/10/2005	KD11D	05	122	7,6	1	Thảo	lẻ	
20	000286	1101021038	Nguyễn Thu	Thảo	29/05/2005	KD11D	05	123	5,4	1	Thảo	chẵn	
21	000287	1101021393	Nguyễn Thị Anh	Thư	02/12/2005	KD11D	05	124	4,5	50/2,3	1	Thư	lẻ
22	000288	1101020281	Nguyễn Hoài	Thương	28/07/2005	KD11D	05	125	5,0	1	Thương	chẵn	
23	000289	1101020287	Đặng Thanh	Thủy	04/08/2005	KD11D	05	126	3,5	1	Thủy	lẻ	
24	000290	1101020296	Lê Hà	Trang	24/11/2005	KD11D	05	127	6,5	1	Trang	chẵn	
25	000291	1101020302	Nguyễn Quỳnh	Trang	31/07/2005	KD11D	05					HP.DK	
26	000292	1101020311	Vũ Quang	Triển	08/10/2005	KD11D	05	128	1,5	1	Triển	chẵn	
27	000293	1101021065	Phùng Phương	Uyên	01/01/2005	KD11D	05	129	2,5	1	Uyên	lẻ	
28	000294	1101020324	Nguyễn Thị Hồng	Vinh	22/11/2005	KD11D	05	130	0,5	1	Vinh	chẵn	
29	000295	1101021410	Đặng Thị	Yến	06/02/2003	KD11D	05	131	2,5	1	Yến	lẻ	
30	000296	1101020333	Nguyễn Hải	Yến	29/06/2005	KD11D	05	132	2,5	1	Yến	chẵn	
31	000297	0901020304	Nguyễn Thị Thu	Hồng	06/06/2003	KD9M	05	133	0,5	1	Hồng	lẻ	
32	000298	1101020004	Đặng Thị Ngọc	Anh	23/08/2005	KD11E	06	134	4,0	1	Anh	chẵn	

Tổng số sinh viên dự thi: 31

Tổng số tờ giấy thi: 31

Tổng số biên bản: 01

Ngày 20 tháng 06 Năm 2025

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Trần Thị Lương Phạm Thị Ly



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Kế toán tài chính doanh nghiệp HP1

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000299	1101020008	Đỗ Thị Mai	Anh	08/10/2005	KD11E	06	285	5,7	01	Anh	lẻ
2	000300	1101020016	Nguyễn Diệp	Anh	17/09/2005	KD11E	06	286	Một	01	Đ	chẵn
3	000301	1101020019	Nguyễn Phương	Anh	06/11/2005	KD11E	06	287	3,5	01	Đ	lẻ
4	000302	1101020025	Nguyễn Văn	Anh	01/12/2005	KD11E	06	288	Một	01	Anh	chẵn
5	000303	1101020921	Trần Hoài	Anh	17/12/2005	KD11E	06	289	2,6	01	Anh	lẻ
6	000304	1101020925	Lê Minh	Ánh	07/05/2005	KD11E	06	290	4,5	01	Anh	chẵn
7	000305	1101020040	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	21/10/2005	KD11E	06	291	5,9	01	Anh	lẻ
8	000306	1101020043	Nguyễn Thanh	Bình	02/12/2005	KD11E	06	292	3,0	01	Bình	chẵn
9	000307	1101020053	Phùng Ngọc	Chúc	05/07/2005	KD11E	06	293	5,1	01	Chúc	lẻ
10	000308	1101020059	Vương Thị	Diễn	19/08/2005	KD11E	06	294	4,5	01	Diễn	chẵn
11	000309	1101020061	Nguyễn Thị	Diệp	17/03/2005	KD11E	06	295	2,5	01	Diệp	lẻ
12	000310	1101021076	Lê Thùy	Dương	16/10/2005	KD11E	06	296	2,0	01	Dương	chẵn
13	000311	1101020072	Phạm Hải	Duy	22/11/2005	KD11E	06	297	3,0	01	Duy	lẻ
14	000312	1101020074	Đặng Trà	Giang	15/03/2005	KD11E	06	298	4,8	01	Giang	chẵn
15	000313	1001020101	Nguyễn Trà	Giang	26/02/2004	KD11E	06	299	3,1	01	Giang	lẻ
16	000314	1101020077	Phạm Thị Hương	Giang	18/08/2005	KD11E	06	300	2,0	01	Giang	chẵn
17	000315	1101020084	Phạm Thị Hồng	Hà	01/03/2005	KD11E	06	301	5,8	01	Hà	lẻ
18	000316	1101020090	Lê Nguyễn Minh	Hằng	01/10/2005	KD11E	06	302	5,1	01	Hằng	chẵn
19	000317	1101020957	Nguyễn Thị	Hào	16/07/2005	KD11E	06	303	7,7	01	Hào	lẻ
20	000318	1101020103	Đặng Thị	Hoàn	26/10/2004	KD11E	06	304	5,6	01	Hoàn	chẵn
21	000319	1101020970	Nguyễn Thị	Hương	25/10/2005	KD11E	06	305	1,5	1	Hương	lẻ
22	000320	1101020114	Phạm Thúy	Hường	02/10/2005	KD11E	06	306	7,0	1	Hường	chẵn
23	000321	1101020122	Nguyễn Ngọc	Huyền	22/04/2005	KD11E	06	307	3,4	1	Huyền	lẻ
24	000322	1101020129	Phạm Quốc	Khánh	02/09/2005	KD11E	06	308	2,0	1	Khánh	chẵn
25	000323	1101020976	Vũ Ngọc	Khánh	13/10/2005	KD11E	06	309	6,1	01	Khánh	lẻ
26	000324	1101020138	Vũ Thị	Lan	28/02/2005	KD11E	06	310	1,5	01	Lan	chẵn
27	000325	1101020979	Cà Nhật Minh Ái	Lệ	01/08/2005	KD11E	06	311	5,4	01	Lệ	lẻ
28	000326	1101020148	Lương Hải Khánh	Linh	02/09/2005	KD11E	06	312	2,5	01	Linh	chẵn
29	000327	1101020156	Nguyễn Thị Hải	Linh	28/08/2005	KD11E	06	313	5,4	01	Linh	lẻ
30	000328	1101020989	Vũ Thị Diệu	Linh	19/05/2005	KD11E	06					HP, ĐK
31	000329	1101020169	Đinh Thị Ngọc	Loan	03/08/2005	KD11E	06	314	2,0	01	Loan	lẻ
32	000330	1101020175	Nguyễn Cẩm	Ly	01/07/2005	KD11E	06	315	2,4	01	Ly	chẵn

Tổng số sinh viên dự thi: 31...

Tổng số tờ giấy thi: 31.....

Tổng số biên bản: 0.....

Ngày 20... tháng 06 Năm 2025

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Bùi Thị Yến

Đỗ Thu Hương



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Kế toán tài chính doanh nghiệp HP1

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000331	1101030618	Vương Thị Diệu	Ly	11/12/2005	KD11E	06	254	2,3	1	Ly	le
2	000332	1101020182	Đỗ Ngọc	Mai	17/08/2005	KD11E	06	255	4,5	1	Mai	chấn
3	000333	1101020995	Khổng Xuân	Mơ	10/05/2005	KD11E	06	256	3,5	1	Mơ	le
4	000334	1101021291	Nguyễn Thị	Nga	05/02/2004	KD11E	06	257	7,8	1	Nga	chấn
5	000335	1101021132	Nguyễn Thị Thúy	Nga	14/01/2005	KD11E	06	258	3,8	1	Nga	le
6	000336	1101020205	Đỗ Lê Hoàng	Ngọc	19/02/2005	KD11E	06	259	8,2	1	Ngọc	chấn
7	000337	1101021013	Lương Bảo	Ngọc	07/06/2005	KD11E	06	260	2,5	1	Ngọc	le
8	000338	1101020210	Nguyễn Thị	Nguyên	09/02/2005	KD11E	06	261	5,0	1	Nguyễn	chấn
9	000339	1101020218	Nguyễn Thị Yên	Nhi	26/10/2005	KD11E	06	262	2,8	1	Nhi	chấn
10	000340	1101021364	Phạm Hồng	Nhung	03/08/2005	KD11E	06	263	4,0	1	Nhung	chấn
11	000341	1101020240	Phan Thị	Phương	03/05/2005	KD11E	06	264	4,0	1	Phương	le
12	000342	1101020249	Đỗ Thị Như	Quỳnh	22/04/2005	KD11E	06	265	không	1	Quỳnh	chấn
13	000343	1101020254	Vũ Thị	Quỳnh	17/02/2005	KD11E	06	266	2,5	1	Quỳnh	le
14	000344	1101020260	Trương Kiều	Thanh	26/03/2005	KD11E	06	267	5,9	1	Thanh	chấn
15	000345	1101020264	Nguyễn Phương	Thảo	11/10/2005	KD11E	06	268	6,6	1	Thảo	le
16	000346	1101020268	Nguyễn Vi	Thảo	10/01/2005	KD11E	06	269	2,0	1	Thảo	chấn
17	000347	1101020275	Lương Anh	Thư	01/07/2005	KD11E	06	270	7,6	1	Thư	le
18	000348	1101020282	Nông Hạ	Thương	06/11/2005	KD11E	06	271	2,5	1	Thương	chấn
19	000349	1101021046	Nguyễn Thủy	Tiên	11/11/2005	KD11E	06	272	7,5	1	Tiên	le
20	000350	1101021054	Nguyễn Thị	Trang	15/08/2005	KD11E	06	273	3,2	1	Trang	chấn
21	000351	1101020308	Nguyễn Thùy	Trang	14/08/2005	KD11E	06	274	3,5	1	Trang	le
22	000352	1101021335	Lê Minh	Tú	22/10/2004	KD11E	06	275	7,9	1	Tú	chấn
23	000353	1101020316	Phạm Minh	Tuấn	08/09/2005	KD11E	06	276	4,0	1	Tuấn	le
24	000354	1101020320	Đỗ Hồng	Vân	08/05/2005	KD11E	06	277	0,5	1	Vân	chấn
25	000355	1101020325	Đỗ Quốc	Vương	24/09/2005	KD11E	06	278	4,0	1	Vương	le
26	000356	1101021428	Triệu Thị Hà	Vy	24/10/2005	KD11E	06	279	3,0	1	Vy	chấn
27	000357	1101020334	Phạm Tiêu	Yến	24/10/2005	KD11E	06	280	2,0	1	Yến	le
28	000358	1101020011	Đỗ Văn	Anh	06/10/2005	KD11G	07	281	1,5	1	Anh	chấn
29	000359	1101020017	Nguyễn Kim Hoàng	Anh	18/08/2005	KD11G	07	282	6,7	1	Anh	le
30	000360	1101021352	Nguyễn Việt	Anh	26/04/2004	KD11G	07					DK Vây
31	000361	1101020028	Phạm Phương	Anh	01/08/2005	KD11G	07	283	2,5	1	Anh	le
32	000362	1101020487	Phùng Thùy	Anh	15/02/2005	KD11G	07	284	0,5	1	Thùy	chấn

Tổng số sinh viên dự thi: 31

Tổng số tờ giấy thi: 31

Tổng số biên bản: 1

Ngày: 20 tháng 6 Năm 2025

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Hữu Anh

Trương Thị Bích



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Kế toán tài chính doanh nghiệp HP1

Chữ/le

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000363	1001020133	Đường Huy	Hoàng	10/01/2004	KD10C	07	192	5,0	1	Hoàng	le'
2	000364	1101020777	Trần Thị Phương	Anh	28/07/2005	KD11G	07	193	2,8	1	A	chấn
3	000365	1101020045	Phạm Thanh	Bình	11/11/2005	KD11G	07	194	4,5	1	Bình	le'
4	000366	1101020932	Đinh Thị	Châm	25/11/2005	KD11G	07	195	3,3	1	Châm	chấn
5	000367	1101020056	Đoàn Khắc	Đạt	27/06/2005	KD11G	07	196	Một	1	Đạt	le'
6	000368	1101020062	Đỗ Thị Hồng	Doan	08/12/2005	KD11G	07	197	4,5	1	Doan	chấn
7	000369	1101020063	Lại Quảng	Đông	04/08/2005	KD11G	07	198	4,4	1	Đông	le'
8	000370	1101020068	Nguyễn Tài	Dương	14/11/2005	KD11G	07	199	Một	1	Dương	chấn
9	000371	1101020943	Đỗ Thị Hồng	Duyên	22/02/2005	KD11G	07	200	5,1	1	Duyên	le'
10	000372	1101020078	Phạm Thị Trà	Giang	08/04/2005	KD11G	07	201	1,5	1	Giang	chấn
11	000373	1101020083	Nguyễn Thị Thu	Hà	21/06/2005	KD11G	07	202	6,3	1	Hà	le'
12	000374	1101020085	Phùng Hải	Hà	22/06/2005	KD11G	07	203	1,5	1	Hà	chấn
13	000375	1101020091	Lê Thị	Hằng	13/05/2005	KD11G	07	204	3,0	1	Hằng	le'
14	000376	1101021334	Đinh Thu	Hiền	30/07/2005	KD11G	07	205	2,0	1	Hiền	chấn
15	000377	0901020198	Nguyễn Minh	Hiếu	08/11/2003	KD11G	07	206	2,5	1	Hiếu	le'
16	000378	1101020109	Tô Ánh	Hồng	09/09/2005	KD11G	07	207	3,0	1	Hồng	chấn
17	000379	1101020568	Trần Quang	Huy	13/04/2005	KD11G	07	208	4,5	1	Huy	le'
18	000380	1101020123	Nguyễn Ngọc	Huyền	30/07/2005	KD11G	07	209	3,0	1	Huyền	chấn
19	000381	1101020130	Phạm Thị	Khánh	01/11/2005	KD11G	07	210	5,9	1	Khánh	le'
20	000382	1101020977	Trần Trung	Kiên	22/02/2005	KD11G	07	212	5,3	1	Trần	chấn
21	000383	1101021205	Phạm Thị Ngọc	Lan	04/05/2005	KD11G	07	212	6,7	1	Lan	le'
22	000384	1101020139	Hoàng Thị	Lệ	21/01/2005	KD11G	07	213	0,9	1	Lệ	chấn
23	000385	1101020150	Lưu Thùy	Linh	02/01/2005	KD11G	07	214	7,2	1	Linh	le'
24	000386	1101020166	Vũ Nguyễn Thùy	Linh	12/08/2005	KD11G	07	215	3,0	1	Linh	chấn
25	000387	1101020168	Vũ Thị Khánh	Linh	10/12/2005	KD11G	07	216	3,5	1	Linh	le'
26	000388	1101021345	Đỗ Thị Thanh	Loan	03/12/2005	KD11G	07	217	Một	1	Loan	chấn
27	000389	1101020172	Phạm Thị	Loan	05/02/2005	KD11G	07	218	4,4	1	Loan	le'
28	000390	1101020179	Bùi Ngọc	Mai	18/02/2005	KD11G	07	219	0,5	1	Mai	chấn
29	000391	1101020197	Phạm Thị	Nga	01/02/2003	KD11G	07	220	6,0	1	Nga	le'
30	000392	1101021333	Nguyễn Hoàn	Ngọc	07/08/2005	KD11G	07	221	5,9	1	Ngọc	chấn
31	000393	1101020207	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	08/11/2005	KD11G	07	222	7,2	1	Ngọc	le'

Tổng số sinh viên dự thi:....31...

Tổng số tờ giấy thi:....31...

Tổng số biên bản:....0.....

Ngày 20. tháng 06 Năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Bùi Tiên Thị

Đào Thị Hồng Xuân



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Kế toán tài chính doanh nghiệp HP1

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Chấm
1	000394	1101020212	Bùi Thị	Nguyệt	06/07/2005	KD11G	07	316	4,5	1	Nguyệt	Chấm
2	000395	1101020221	Phạm Yến	Nhi	09/08/2005	KD11G	07	317	3,0	1	Nhi	Lẻ
3	000396	1101020658	Lương Tâm	Như	12/09/2004	KD11G	07	318	4,5	1	Như	Chấm
4	000397	1101021019	Trần Hồng	Nhung	30/11/2005	KD11G	07	319	4,8	1	Nhung	Lẻ
5	000398	1101020229	Nguyễn Thị	Oanh	16/10/2005	KD11G	07	320	4,0	1	Oanh	Chấm
6	000399	1101020236	Lý Thu	Phuong	28/07/2005	KD11G	07	321	2,0	1	Thu	Lẻ
7	000400	1101021025	Vương Thị	Phuong	30/06/2005	KD11G	07	322	7,4	1	Phuong	Chấm
8	000401	1101021029	Vũ Thị Như	Quỳnh	18/08/2005	KD11G	07	323	1,8	1	Quỳnh	Lẻ
9	000402	1101020258	Bùi Phương	Thanh	26/06/2005	KD11G	07	324	0,5	1	Thanh	Chấm
10	000403	1101020894	Nguyễn Minh	Thành	14/02/2005	KD11G	07	325	3,8	1	Thành	Lẻ
11	000404	1101020265	Nguyễn Phương	Thảo	27/07/2005	KD11G	07	326	2,5	1	Thảo	Chấm
12	000405	1101020276	Nguyễn Thị Anh	Thư	25/11/2005	KD11G	07	327	2,1	1	Thư	Lẻ
13	000406	1101020364	Lê Tô	Trang	12/09/2005	KD11G	07	328	5,7	1	Trang	Chấm
14	000407	1101020297	Lục Hà	Trang	11/03/2005	KD11G	07	329	4,0	1	Trang	Lẻ
15	000408	1101020304	Nguyễn Thị Huyền	Trang	08/02/2005	KD11G	07	330	3,0	1	Trang	Chấm
16	000409	1101021057	Nguyễn Thùy	Trang	28/10/2005	KD11G	07	331	2,0	1	Trang	Lẻ
17	000410	1101021062	Lê Minh	Tuân	09/04/2005	KD11G	07	332	5,2	1	Tuân	Chấm
18	000411	1101020313	Đinh Lê Anh	Tuấn	17/09/2005	KD11G	07	333	3,8	1	Tuấn	Lẻ
19	000412	1101020321	Hoàng Thị Thanh	Vân	15/10/2005	KD11G	07	334	4,0	1	Vân	Chấm
20	000413	1101020328	Phạm Thanh	Xuân	22/09/2005	KD11G	07	335	4,0	1	Xuân	Lẻ
21	000414	1101020330	Đỗ Ngọc	Yên	01/10/2005	KD11G	07	336	3,7	1	Yên	Chấm
22	000415	1101020332	Đỗ Hải	Yến	23/08/2005	KD11G	07	337	3,8	1	Yến	Lẻ
23	000416	1001060351	Vũ Hà Thanh	Bình	10/11/2004	KA10A	09	338	2,8	1	Bình	Chấm
24	000417	1001060355	Nguyễn Việt	Hà	12/07/2004	KA10A	09	339	5,3	1	Hà	Lẻ
25	000418	1001061095	Ngô Thị Ngọc	Hoài	16/06/2004	KA10A	09	340	4,5	1	Hoài	Chấm
26	000419	1101060914	Hoàng Thị Minh	Anh	04/04/2005	KA11A	09	341	7,3	1	Anh	Lẻ
27	000420	1101060336	Nguyễn Thị Phương	Anh	13/10/2005	KA11A	09	342	4,0	1	Anh	Chấm
28	000421	1101060337	Hoàng Minh	Châu	27/10/2005	KA11A	09	343	4,5	1	Châu	Lẻ
29	000422	1101060048	Phạm Phương	Chi	09/11/2005	KA11A	09	344	7,5	1	Chi	Chấm
30	000423	1101060338	Phạm Ngọc	Đại	09/03/2005	KA11A	09	345	6,2	1	Đại	Lẻ
31	000424	1001020040	Nguyễn Phương	Anh	18/09/2004	KD10B	09	346	6,0	1	Anh	Chấm

Tổng số sinh viên dự thi: 31....

Tổng số tờ giấy thi: 31

Tổng số biên bản: 0....

Ngày 20. tháng 6. Năm 2025

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Hoàng Thị Duyên Ngô Thị Hồng Thủy



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Kế toán tài chính doanh nghiệp HPI

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000425	1101060339	Nguyễn Thị Hồng	Đào	20/11/2005	KA11A	09	165	4,5	01	Đào	lẻ
2	000426	1101061075	Phùng Xuân Tấn	Dũng	15/02/2005	KA11A	09	166	4,5	01	Dũng	chẵn
3	000427	1101061077	Trần Khánh	Duy	10/07/2005	KA11A	09	167	3,9	01	Duy	lẻ
4	000428	1101060345	Vũ Thị Thu	Hiền	06/06/2005	KA11A	09	168	6,7	01	Hiền	chẵn
5	000429	1101060347	Nguyễn Hữu	Hoàng	21/06/2005	KA11A	09	169	4,5	01	Hoàng	lẻ
6	000430	1001060362	Trịnh Thiên	Hương	01/09/2004	KA11A	09	170	6,4	01	Hương	chẵn
7	000431	1101060350	Đỗ Thị	Lan	06/09/2005	KA11A	09	171	8,3	01	Lan	lẻ
8	000432	1101060351	Quyền Hồng	Lụa	03/11/2005	KA11A	09	172	9,0	01	Lụa	chẵn
9	000433	1101061079	Đỗ Tuấn	Mạnh	01/05/2005	KA11A	09	173	7,0	01	Mạnh	lẻ
10	000434	1101061080	Ngô Bảo	Ngọc	04/11/2005	KA11A	09	174	2,5	1	Ngọc	chẵn
11	000435	1101061081	Nguyễn Bùi Bảo	Ngọc	22/12/2005	KA11A	09	175	5,0	1	Ngọc	lẻ
12	000436	1101060358	Chu Thanh	Thảo	24/01/2005	KA11A	09	176	4,0	1	Thảo	chẵn
13	000437	1101060359	Nguyễn Thị	Thảo	13/08/2005	KA11A	09	177	9,0	1	Thảo	lẻ
14	000438	1101060361	Bùi Thị Phương	Thùy	15/10/2005	KA11A	09	178	8,7	1	Thùy	chẵn
15	000439	1101061043	Hoàng Thị Phương	Thùy	08/05/2005	KA11A	09	179	9,0	1	Thùy	lẻ
16	000440	1101060363	Lê Thu	Trang	14/11/2005	KA11A	09	180	muối	1	Trang	chẵn
17	000441	1101061350	Tạ Thị Minh	Trang	12/08/2005	KA11A	09	181	4,8	1	Trang	lẻ
18	000442	1101060907	Lê Quang	Tú	09/04/2005	KA11A	09	182	3,5	1	Tú	chẵn
19	000443	1101060367	Lê Nguyễn Anh	Tuấn	12/02/2005	KA11A	09	183	2,5	1	Tuấn	lẻ
20	000444	1001020103	Lê Thu	Hà	26/12/2004	KD10B	09	184	6,4	1	Hà	chẵn
21	000445	1001020136	Lê Mạnh	Hùng	06/11/2004	KD10B	09	185	4,3	1	Hùng	lẻ
22	000446	1001021446	Nguyễn Thị	Thoa	28/08/1999	KD10B	09	186	7,8	1	Thoa	chẵn
23	000447	0810210844	Bế Thu	Uyên	22/07/2002	KD10B	09	187	5,6	1	Uyên	lẻ
24	000448	0901020672	Phạm Thị	Giang	25/08/2003	KD9B	09	188	9,0	1	Giang	chẵn
25	000449	0901020497	Đào Ngọc	Minh	24/11/2003	KD9M	09					HP,DK
26	000450	0901020790	Vũ Mai	Phương	24/06/2003	KD9M	09	189	5,5	1	Phương	chẵn
27	000451	1001010849	Đỗ Minh	Quân	02/02/2004	TC10A	09	190	5,5	1	Quân	lẻ
28	000452	0901010302	Vũ Ngọc	Anh	04/01/2003	TC9B	09					HP,DK
29	000453	0901030724	Đỗ Xuân	Thành	01/07/2003	TC9B	09	191	4,5	1	Thành	lẻ

Tổng số sinh viên dự thi: 28/27

Tổng số tờ giấy thi: 27

Tổng số biên bản: 0

Ngày 20 tháng 6 năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Phạm T. Huy

Đinh T. Thiên